

10/09/2019

Khuyến nghị

MUA

Vương Chí Tâm (PTCB)

tamvc@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	28,458
Giá đóng cửa	22,750
Upside	25%

Tô Quang Vinh (PTKT)

vinhtq@bsc.com.vn

Giá mục tiêu	25,000
Giá cắt lỗ	20,000

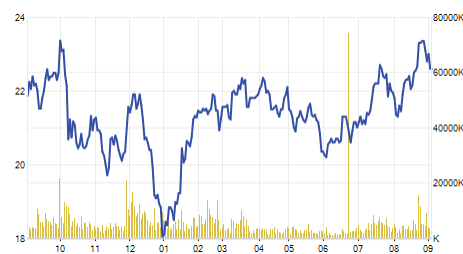
Dữ liệu thị trường

Số lượng cp (tr cp)	2,113
Vốn hóa (tỷ đ)	47,762
Giá cao nhất 52 tuần	23,400
Khối lượng giao dịch bình quân 10 ngày (cp)	6,127,180
Sở hữu NĐT NN	0%

Cổ đông lớn (%)

Tập đoàn Viettel	15%
SCIC	10%
Tổng CT trực thăng VN	8%
TCT Tân Cảng SG	7%
Khác	60%

Diễn biến giá



Tổng quan về công ty: MBB dự kiến sẽ bán vốn chiến lược cho đối tác nước ngoài trong năm 2019.

KỶ VỌNG TỪ BÁN VỐN CHIẾN LƯỢC

Định giá

Chúng tôi khuyến nghị **MUA** cổ phiếu MBB với **giá mục tiêu 28,458 VND/cp, upside 25%** theo phương pháp P/B F = 1.5x do (1) Khả năng sinh lời cao cùng chất lượng tài sản được kiểm soát tốt, (2) định giá ở mức rẻ (P/B F = 1.2x), (3) việc bán vốn chiến lược cho đối tác nước ngoài dự kiến trong năm 2019 sẽ giúp cổ phiếu MBB được đánh giá lại về giá trị.

Dự báo KQKD

Chúng tôi điều chỉnh dự báo TOI và PBT của MBB trong năm 2019 lên -1.4%/+3.5% với việc thay đổi quan điểm về tăng trưởng tín dụng (từ 14% lên 17% với ngân hàng mẹ, 37% với M Credit), tỷ lệ casa giảm về mức 34.3%. CIR được giữ ở mức 45%.

Catalyst

(1) Bán vốn chiến lược cho cổ đông nước ngoài

(2) Định giá rẻ

Rủi ro đầu tư

(1) M Credit cho vay rủi ro cao hơn, tuy nhiên chưa chiếm tỷ trọng nhiều trong cơ cấu cho vay

(2) Tỷ lệ casa giảm làm tăng chi phí vốn

Quan điểm đầu tư (chi tiết tham khảo trang 2)

Khả năng sinh lời được giữ ở mức cao so với toàn ngành. (1) Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy), (2) Thu nhập ngoài lãi tăng trưởng mạnh mẽ từ thu phí dịch vụ (+59% yoy).

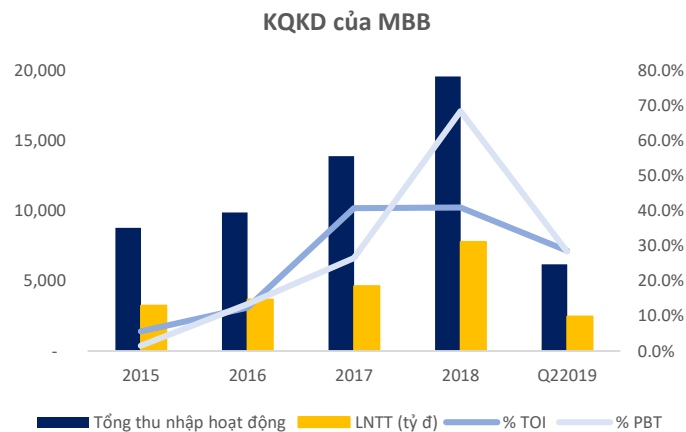
Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB. NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng. CAR Basel II = 10.5%.

Định giá rẻ và kỳ vọng từ bán vốn chiến lược. P/B F 2019 = 1.2x, hấp dẫn với vị thế tăng trưởng cùng chất lượng tài sản. Việc bán vốn chiến lược cho cổ đông nước ngoài có thể sẽ giúp định giá lại MBB trong thời gian tới.

CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

1. Khả năng sinh lời luôn được giữ ở mức cao so với toàn ngành cùng nhiều room tăng trưởng.

TOI = 6,158 tỷ VND (+28.5% yoy), PBT = 2,451 tỷ VND (+28.3% yoy). TTS +11% ytd, cho vay +11.3% ytd, huy động +7.9% ytd. Tính trong giai đoạn từ 2015 – 2Q2019, TOI và PBT của MBB tăng lần lượt mức CAGR = 24.8% và 25.7%, thuộc mức tăng LNTT thấp hơn các ngân hàng có cùng chất lượng tài sản như ACB, TCB, VCB,... (LNTT các NH này tăng ở mức trung bình 45%). Tuy nhiên, chúng tôi đánh giá MBB còn rất nhiều dư địa tăng trưởng chưa khai phá hết, đảm bảo cho mức tăng trưởng trung bình 20% - 25% yoy trong thời gian tới.



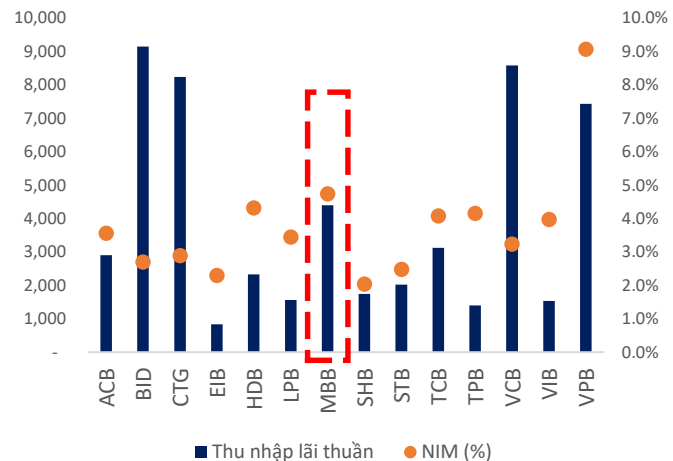
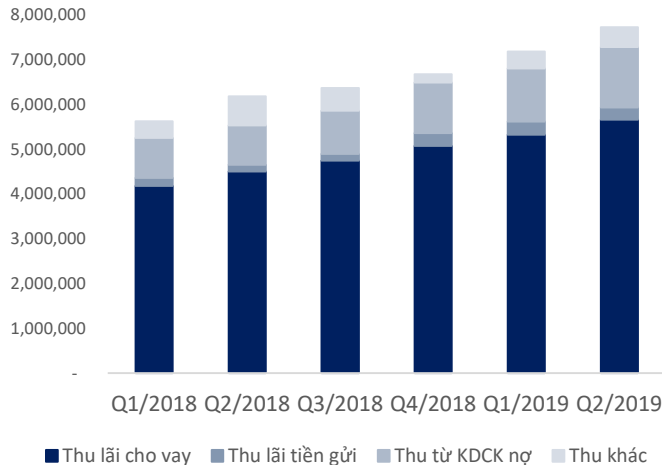
Nguồn: Fiinpro, BSC Research

Thu nhập lãi thuần +25.4% yoy nhờ việc cơ cấu các khoản cho vay.

Thu nhập lãi thuần đạt mức 4,395 tỷ VND (+25.4% yoy) nhờ:

- Tăng trưởng tín dụng trong 1H2019 đạt mức 13.9% ytd, trong đó ngân hàng mẹ tăng trưởng 13.2% ytd, M Credit tăng trưởng 33.4% ytd. Trong 2H2019, MBB đã xin SBV chấp thuận tăng mức tăng trưởng tín dụng lên 17% với ngân hàng mẹ, và hiện đang xin cấp thêm tín dụng với M Credit.
- NIM được cải thiện lên mức 4.74% (+11 bps so với quý 2/2018, +5 bps so với quý 1/2019) nhờ việc tăng lãi suất cho vay + dịch chuyển cơ cấu cho vay sang bán lẻ. Lãi suất cho vay trung bình của MBB đã tăng lên mức 9.4% (+11 bps so với quý 1/2019) trong khi lãi suất huy động tăng lên mức 3.7% (+20 bps so với cuối năm 2018) do việc các DN lớn tại MBB cơ cấu lại các khoản tiền gửi không kỳ hạn dẫn đến việc sụt giảm tỷ lệ casa, từ đó làm tăng lãi suất trung bình huy động.

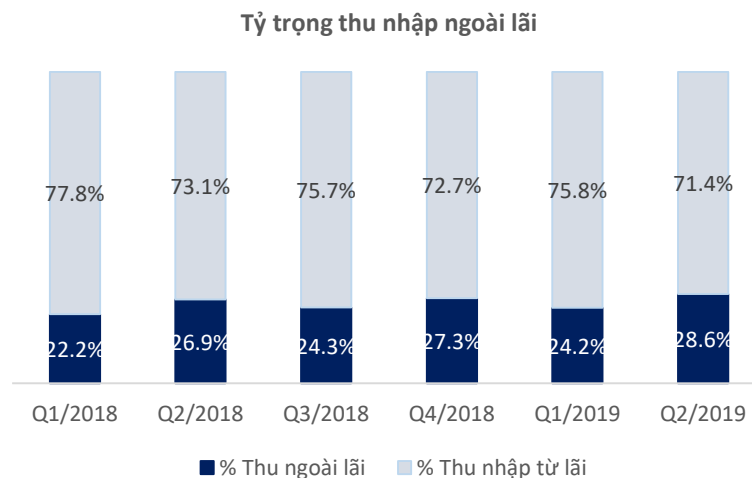
Về triển vọng 2H2019, BSC kỳ vọng MBB sẽ ghi nhận thu nhập lãi thuần ở mức 17,468 tỷ VND (+20% yoy) nhờ (1) tăng trưởng tín dụng của ngân hàng hợp nhất đạt mức 17.7%, (2) NIM được cải thiện lên mức 4.64% nhờ việc cơ cấu các khoản vay + tăng lãi suất cho vay.



Nguồn: BSC Research, Fiinpro

Thu nhập ngoài lãi +37% yoy, kỳ vọng tăng trưởng từ 30%-50% trong năm 2019 nhờ mảng bảo hiểm + thu phí dịch vụ.

Trong 2Q2019, phí dịch vụ +59% yoy, lãi từ kinh doanh ngoại hối +65% yoy. Mảng bảo hiểm nhân thọ MB Ageas life tính đến hết 1H2019 thu phí bảo hiểm hơn 1,000 tỷ VND (+210% yoy), lãi 93 tỷ VND và còn nhiều dư địa tăng trưởng. Bên cạnh đó, phí dịch vụ cũng có tiềm năng tăng trưởng tốt nhờ tập khách hàng lớn và độ phủ sóng rộng.



Nguồn: BCTC MBB, BSC tổng hợp

2. Chất lượng tài sản ở mức tốt, tuy nhiên việc nới lỏng cho vay của M Credit có thể ảnh hưởng đến kết quả chung của MBB.

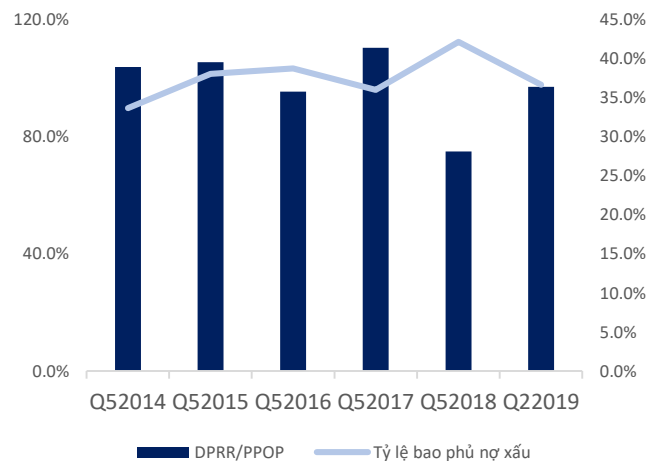
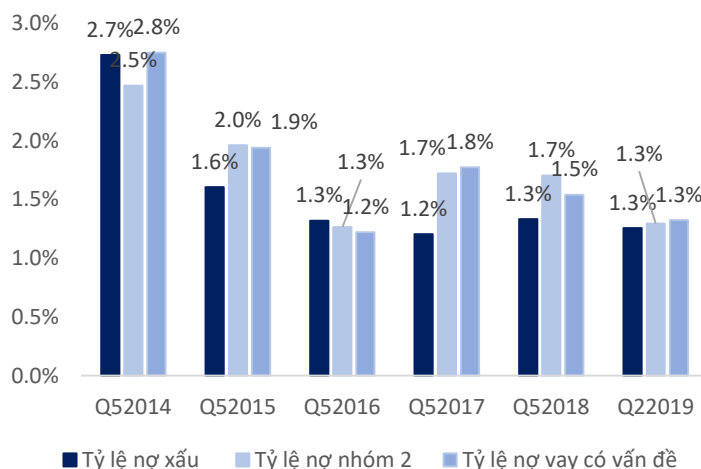
Chất lượng tài sản được kiểm soát tốt.

NPL ngân hàng hợp nhất = 1.18%, trong đó NH mẹ = 1.08%, M Credit = 11%. Về ngân hàng mẹ, việc kiểm soát tốt chất lượng tài sản được chúng tôi đánh giá cao. Mặc dù nợ xấu của M Credit hiện đang ở mức cao hơn hẳn so với các DN khác (FE Credit = 5.1%, HD Saison khoảng 6%), chúng tôi đánh giá với quy mô tín dụng nhỏ (9,800 tỷ cho vay tính đến hết 1H2019) chưa ảnh hưởng nhiều đến kết quả chung của MBB.

Tỷ lệ bao nợ xấu (LLCR) = 97.6%, cao hơn so với trung bình ngành giúp đảm bảo hoạt động của ngân hàng. Tỷ lệ LDR của ngân hàng đang giữ ở mức 73% - 74%, thấp hơn mức cho phép của SBV yêu cầu.

Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn ở mức 34% và dự kiến sẽ giảm xuống dưới 30% bằng việc tăng cho vay ngắn hạn, giảm cho vay trung dài hạn.

CAR theo Basel II = 10.5%, giảm nhẹ so với mức 11% cuối năm 2018.



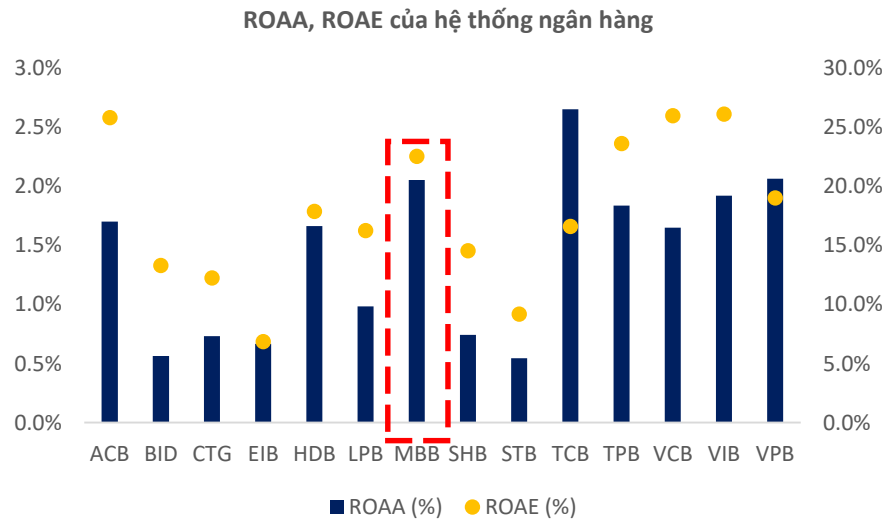
Nguồn: BCTC MBB, BSC Research

3. Định giá rẻ, tuy nhiên có nhiều vấn đề ảnh hưởng việc đánh giá lại về giá cổ phiếu.

Với dự báo của BSC, MBB sẽ được trading với mức giá P/B = 1.2x, hấp dẫn so với mức định giá các DN tương đương (ACB, TCB, VCB, TPB, VIB). Tuy nhiên, do mức free float trên thị trường quá cao (51%) khiến việc đánh giá lại cổ phiếu MBB trên thị trường trở nên không chắc chắn.

Về thông tin cập nhật việc bán vốn, MBB dự kiến sẽ bán từ 7.5%-10% cổ phiếu cho đối tác nước ngoài trong năm nay hoặc đầu năm sau, nguồn 2.5% từ cổ phiếu quỹ và phần còn lại phát hành thêm. Điều này giúp (1) MBB giảm free float cổ phiếu bên ngoài thị trường, tuy nhiên không nhiều, (2) tăng CAR của ngân hàng lên mức 12%-13% khi bán vốn thành công.

Việc bán vốn chiến lược cho đối tác nước ngoài cũng đang được kỳ vọng sẽ hỗ trợ cả về HDKD cũng như việc đánh giá lại giá cổ phiếu của MBB trên thị trường.



Nguồn: BSC Research

DỰ BÁO VÀ ĐỊNH GIÁ

		2018	2019	2020
MUA TP 28,458 VND/cp Upside 25%	TOI	19,539	22,741	26,476
	PBT	7,767	9,870	11,488
	NIM	4.5%	4.5%	4.5%
	ROAA	1.8%	2.0%	1.9%
	ROAE	19.4%	19.7%	18.6%
	EPS	2,736	3,168	3,414
	BVPS	15,817	18,980	20,830
	P/E (x)	8.3	7.1	6.6
	P/B (x)	1.4	1.2	1.1

Nguồn: BSC Research

Phụ lục 1: Triển vọng ngành ngân hàng trong 2H2019

Môi trường kinh doanh	Ổn định	Tăng trưởng GDP ở mức cao, 6.7% trong năm 2019 và 6.5% trong năm 2020, được hỗ trợ bởi đầu tư và tiêu dùng.
		Căng thẳng Mỹ Trung có thể làm giảm tăng trưởng kinh tế thế giới và các nước đối tác chính XNK của 2 nước này, trong đó có Việt Nam.
		Các hiệp định lớn (EVFTA, CPTPP) sẽ hỗ trợ tăng trưởng xuất nhập khẩu vào các nước lớn tại Châu Âu giảm sự phụ thuộc của Việt Nam vào các nước lớn như hiện nay.
		Chỉ số CPI trong 8T2019 tăng 2.26% yoy và được giữ ở mức dưới 4% trong năm 2019.
		Tăng trưởng tín dụng +7.36% ytd trong 6T2019, huy động +5.5% ytd trong 5T2019, M2 +6.4% ytd trong 5T2019. Tăng trưởng tín dụng trong 2019 được BSC kỳ vọng sẽ ở mức 12%-13%, thấp hơn mức SBV đề ra = 14%.
		Lãi suất liên ngân hàng và trái phiếu chính phủ tiếp tục giữ ở mức thấp.
Chất lượng tài sản	Được cải thiện	Tỷ giá ổn định.
		Nợ xấu 2Q2019 ở mức 1.9% < 2% đề ra, tỷ lệ bao nợ xấu ở mức 75.9%. Kỳ vọng mức nợ xấu trong năm 2019 <2%.
		Các ngân hàng đẩy nhanh xử lý nợ xấu + VAMC. Đã nhiều ngân hàng áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn.
		Nhiều ngân hàng có mức trích lập dự phòng cao, đảm bảo phòng ngừa rủi ro trong trường hợp kinh tế biến động (VCB, ACB,...)
		Tăng trưởng nhanh về cho vay trong những năm gần đây có thể làm ảnh hưởng đến chất lượng tài sản trong dài hạn.
		Các ngân hàng giảm tỷ trọng cho vay vào ngành rủi ro (BDS, xây dựng,...), tăng cường huy động vốn dài hạn.
Khả năng sinh lời	Được cải thiện	Tỷ lệ an toàn vốn được cải thiện qua hàng năm và đã nhiều ngân hàng áp dụng thành công tiêu chuẩn Basel II trước hạn.
		NII được cải thiện nhờ việc cơ cấu các khoản vay.
		Thu nhập ngoài lãi ngày càng đóng tỷ trọng lớn trong cơ cấu thu nhập của NH với tốc độ tăng trưởng 2 chữ số.
		Các ngân hàng tập trung tiết giảm chi phí, giảm chỉ số CIR toàn ngành.
Định giá	Thấp	Chi phí dự phòng giảm nhờ cải thiện chất lượng tài sản, từ đó giúp tăng LN.
		Mặt bằng định giá thấp với khả năng sinh lời cao hơn VN Index.

Nguồn: BSC Research.

Phụ lục 2: Hoạt động kinh doanh của MBB trong Q2/2019

MBB	Q22019	Q22018	Thay đổi	Nhận xét
Thu nhập lãi thuần	4,395	3,504	25.4%	NII +25.4% yoy nhờ (1) Tăng trưởng tín dụng đạt 13.9%, (2) NIM = 4.74%. Thu nhập ngoài lãi +37% yoy nhờ phí dịch vụ +59% yoy, lãi từ kinh doanh ngoại hối +65% yoy. Tăng trưởng tín dụng đã gần đạt mức cho phép của SBV (17%).
Thu nhập ngoài lãi	1,763	1,287	37.0%	
<i>Trong đó: Thu nhập từ phí dịch vụ</i>	1,055	663	59.2%	
Tổng thu nhập hoạt động	6,158	4,791	28.5%	
Chi phí hoạt động	(2,307)	(1,927)	19.7%	
LN trước dự phòng	3,851	2,864	34.5%	
Chi phí dự phòng	(1,400)	(953)	46.9%	
LNTT	2,451	1,911	28.3%	
Tăng trưởng tín dụng (%)	9.6%	13.9%	4.3%	
NPL	1.25%	1.18%	+7 bps	
LLCR	97.6%	106.6%	-9 %	Nợ xấu ổn định, tỷ lệ trích lập dự phòng giảm so với cùng kỳ, tuy nhiên vẫn ở mức cao. CIR giảm nhẹ và kỳ vọng sẽ tiếp tục được cải thiện. Tỷ suất sinh lời thuộc mức cao so với toàn ngành
LDR	92.2%	87.2%	+5%	
NIM	4.7%	4.5%	+11 bps	
CIR	37.7%	39.3%	-1.6%	
ROAA	2.0%	1.7%	+0.3%	
ROAE	22.5%	18.5%	+4%	

Nguồn: MBB BCTC, BSC Research.

Phụ lục 2: Tình hình hoạt động của các ngân hàng niêm yết

Q22019	ACB	BID	CTG	HDB	LPB	MBB	STB	TCB	TPB	VCB	VIB	VPB
1. QUY MÔ												
Vốn điều lệ	12,886	34,187	37,234	9,810	8,881	21,605	18,852	34,966	8,566	37,089	7,835	25,300
VCSH	23,834	57,589	72,497	18,604	11,877	35,526	25,499	56,366	11,282	77,337	11,621	38,208
Tổng tài sản	350,938	1,400,186	1,183,796	210,291	189,955	402,264	439,170	360,663	145,716	1,122,970	163,856	348,732
Vốn chủ sở hữu/TTS	6.8%	4.1%	6.1%	8.8%	6.3%	8.8%	5.8%	15.6%	7.7%	6.9%	7.1%	11.0%
2. TĂNG TRƯỞNG												
% tài sản	6.6%	6.6%	1.7%	-2.7%	8.5%	11.0%	8.2%	12.4%	7.0%	4.6%	17.7%	7.9%
% cho vay	8.8%	7.7%	2.4%	11.9%	8.4%	11.3%	8.9%	15.9%	15.3%	10.1%	19.1%	11.6%
% tiền gửi	7.9%	7.1%	2.5%	1.6%	4.1%	7.9%	11.1%	9.4%	6.2%	8.6%	16.8%	15.5%
% TOI	23.2%	11.9%	18.1%	14.5%	70.4%	28.5%	23.7%	17.3%	31.2%	22.1%	34.5%	29.5%
% LN thuần trước DPRR	2.8%	19.7%	32.6%	11.9%	169.3%	34.5%	9.8%	9.5%	37.0%	34.1%	52.1%	28.0%
% PBT	15.3%	-9.4%	-2.5%	9.2%	445.3%	28.3%	-18.8%	15.9%	49.9%	48.3%	59.8%	45.7%
3. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN												
Tỷ lệ nợ nhóm 2	0.2%	2.5%	0.8%	1.4%	1.3%	1.3%	0.4%	1.5%	2.5%	0.6%	1.2%	5.1%
Tỷ lệ nợ xấu	0.7%	2.0%	1.5%	1.4%	1.5%	1.3%	2.0%	1.8%	1.5%	1.0%	2.2%	3.4%
Tỷ lệ nợ vay có vấn đề	-0.2%	3.0%	0.8%	1.8%	1.6%	1.3%	1.0%	1.9%	2.8%	-0.2%	2.4%	6.8%
DPRR nợ xấu/ Tổng dư nợ	1.1%	1.4%	1.5%	1.1%	1.1%	1.2%	1.4%	1.4%	1.3%	1.8%	1.0%	1.7%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	160.2%	72.5%	100.1%	74.7%	77.9%	97.6%	68.5%	77.1%	83.9%	177.5%	44.0%	48.5%
DPRR nợ xấu/Nợ nhóm 2-5	117.4%	32.2%	63.8%	37.8%	41.3%	48.1%	57.3%	41.6%	31.2%	115.0%	28.3%	19.6%
Huy động từ interbank/Tổng huy động	3.5%	3.8%	8.2%	11.2%	8.5%	14.7%	0.2%	16.8%	19.6%	5.1%	15.0%	6.2%
Lãi, phí phải thu/ Cho vay	1.0%	1.2%	0.8%	2.6%	3.2%	1.6%	7.6%	2.5%	1.6%	1.1%	1.3%	1.8%
Đòn bẩy tài chính	14.7	24.3	16.3	11.3	16.0	11.3	17.2	6.4	12.9	14.5	14.1	9.1
LDR	81.1%	94.0%	90.0%	82.1%	80.6%	80.5%	70.4%	70.5%	76.1%	81.5%	85.5%	93.6%
4. HIỆU QUẢ KINH DOANH												
Tổng thu nhập hoạt động	3,949	11,995	10,037	2,708	1,626	6,158	3,301	4,688	1,917	11,303	1,948	8,869
LN thuần trước DPRRTD	2,026	7,775	6,418	1,415	661	3,851	1,016	3,117	1,122	7,236	1,174	5,826
LNTT (tỷ đ)	1,915	2,251	2,182	1,109	605	2,451	400	3,045	767	5,425	1,010	2,560
Thu nhập lãi thuần/TOI	73.5%	76.2%	82.0%	85.8%	96.1%	71.4%	61.3%	66.6%	73.3%	75.9%	78.6%	83.7%
CASA	17.4%	15.0%	15.2%	10.2%	13.3%	33.0%	15.6%	30.4%	18.0%	30.6%	12.1%	10.4%
Lãi suất gộp bình quân	33.7%	30.9%	29.0%	38.0%	37.9%	34.3%	32.3%	29.5%	35.9%	25.3%	35.6%	61.8%
Lãi suất huy động vốn bình quân	20.3%	20.9%	18.2%	20.7%	24.0%	15.6%	22.9%	15.2%	19.1%	13.1%	20.0%	25.5%
Lãi suất ròng	13.4%	10.0%	10.8%	17.3%	13.9%	18.7%	9.4%	14.3%	16.8%	12.2%	15.7%	36.3%
NIM	3.6%	2.7%	2.9%	4.3%	3.5%	4.7%	2.5%	4.1%	4.2%	3.2%	4.0%	9.1%
DPRR/PPOP	5.5%	71.0%	66.0%	21.6%	8.5%	36.3%	60.6%	2.3%	31.7%	25.0%	13.9%	56.1%
CIR	50.0%	31.8%	34.9%	47.0%	56.4%	37.7%	63.4%	35.0%	44.3%	36.6%	41.6%	35.8%
ROAA (%)	1.7%	0.6%	0.7%	1.7%	1.0%	2.1%	0.5%	2.7%	1.8%	1.7%	1.9%	2.1%
ROAE (%)	25.9%	13.3%	12.3%	17.9%	16.3%	22.6%	9.2%	16.6%	23.7%	26.0%	26.1%	19.0%
5. ĐỊNH GIÁ												
EPS (đồng/cp)	4,758	2,068	1,898	3,206	2,195	3,700	652	2,756	2,863	4,703	4,127	3,239
Giá trị ghi sổ (đ/cp)	18,496	16,845	19,471	18,964	13,373	16,444	13,526	16,120	13,171	20,852	14,833	15,102
PER (x)	6.8	16.7	13.9	8.8	4.8	6.8	8.6	8.3	8.4	16.7	5.7	6.5
PBR (x)	1.5	2.2	1.1	1.5	0.6	1.4	0.7	1.3	1.6	3.8	1.4	1.2

Nguồn: BSC Research

Phụ lục 4: Dự báo KQKD của MBB

	2018	2019F	2020F
Thu nhập lãi thuần	14,583	16,973	19,695
Lãi thuần từ HĐ dịch vụ	2,564	3,173	3,899
Lãi thuần từ KĐ ngoại hối	445	598	782
Lãi thuần từ mua bán CKĐT	300	399	476
Lãi thuần từ HĐ khác	1,517	1,509	1,535
Thu nhập từ góp vốn	130	89	89
Tổng thu nhập hoạt động	19,539	22,741	26,476
Chi phí hoạt động	(8,734)	(10,234)	(11,914)
LN thuần trước DPRR	10,805	12,508	14,562
Chi phí DPRR	(3,038)	(2,638)	(3,074)
LNTT	7,767	9,870	11,488
Chi phí thuế TNDN	(1,577)	(2,004)	(2,333)
LNST	6,190	7,865	9,155
Lợi ích của CDTs	98	125	145
Cổ đông của Công ty mẹ	6,190	7,740	9,009

	2018	2019F	2020F
TỔNG TÀI SẢN	362,361	427,106	497,126
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	1,737	2,037	2,392
Tiền gửi tại SBV	10,548	12,170	14,152
Gửi + cho vay các TCTD khác	45,062	52,861	62,074
Chứng khoán kinh doanh	578	578	578
Các CCPS và các TSTC khác	36	37	37
Cho vay khách hàng	211,475	250,986	289,430
Chứng khoán đầu tư	73,834	86,732	104,163
Góp vốn, đầu tư dài hạn	497	497	497
Tài sản cố định	2,699	2,569	2,435
Tài sản Có khác	15,865	18,645	21,374
NỢ PHẢI TRẢ VÀ VCSH	362,361	427,106	497,126
Tổng nợ phải trả	328,188	382,821	444,637
Các khoản nợ CP + SBV	2,633	2,633	2,633
Tiền gửi vay các TCTD khác	60,471	71,166	81,583
Tiền gửi của khách hàng	239,964	281,500	330,558
Các CCPS + nợ TC khác	42	42	42
Phát hành GTCG	11,158	11,158	11,158
Các khoản nợ khác	13,601	16,003	18,344
Vốn chủ sở hữu	34,173	44,285	52,490
Vốn điều lệ	21,605	23,333	25,200
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-
Cổ phiếu Quỹ	-	(2,376)	(2,376)
Vốn khác	28	28	28
Lợi nhuận chưa phân phối	7,124	16,684	21,624

	2018	2019F	2020F
I. QUY MÔ			
Số lượng chi nhánh	300	315	330
Số lượng nhân viên	15,233	16,956	19,740
II. CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN			
1. Chỉ số an toàn vốn			
CAR Basel II	11%	N/A	N/A
VCSH/TTS	9.4%	10.4%	10.6%
Đòn bẩy tài chính	10.6	9.6	9.5
2. Chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ nhóm 2	1.6%	1.7%	1.7%
Tỷ lệ nợ xấu	1.3%	1.3%	1.4%
Tỷ lệ nợ xấu (Bao gồm VAMC)	1.3%	1.3%	1.4%
Tỷ lệ nợ vay có vấn đề	1.5%	1.7%	1.8%
Tỷ lệ bao phủ nợ xấu	113.2%	105.0%	100.0%
DPRR/Nợ nhóm 2-5	49.3%	45.8%	43.6%
3. Chỉ số thanh khoản			
LDR	77.6%	80.0%	80.0%
Tài sản lỏng/TTS	36.4%	36.1%	36.9%
Tài sản lỏng/Tiền gửi khách hàng	54.9%	54.8%	55.5%
Huy động interbank/Tổng HĐ	19.4%	19.6%	19.3%
III. HIỆU QUẢ SINH LỜI			
% tín dụng	16.9%	17.7%	14.6%
Thu nhập lãi thuần/TOI	74.6%	74.6%	74.4%
Tỷ lệ casa	42.1%	34.3%	36.2%
Lãi suất gộp bình quân	7.7%	7.9%	7.8%
Lãi suất huy động vốn BQ	3.3%	3.6%	3.6%
Lãi suất ròng	4.4%	4.3%	4.2%
NIM	4.5%	4.5%	4.5%
Chi phí DPRR/LN trước DPRR	28.1%	21.1%	21.1%
CIR	44.7%	45.0%	45.0%
ROAA	1.8%	2.0%	1.9%
ROAE	19.4%	19.7%	18.6%
IV. ĐỊNH GIÁ			
EPS (VND/cp)	2,736	3,168	3,414
BVPS (VND/cp)	15,817	18,980	20,830
V. TĂNG TRƯỞNG			
% TTS	15.4%	17.9%	16.4%
% cho vay KH	16.2%	18.7%	15.3%
% tiền gửi KH	9.0%	17.3%	17.4%
% LNTT	37.3%	15.8%	16.4%
% NPATMI	68.3%	27.1%	16.4%

Nguồn: BSC Research

Phân tích kỹ thuật

MBB_ Điều chỉnh giảm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Điều chỉnh giảm ngắn hạn.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng giảm.

Nhận định: Cổ phiếu MBB đang điều chỉnh giảm sau khi không vượt qua được ngưỡng kháng cự 24. Thanh khoản cổ phiếu đang có chiều hướng giảm, kém hơn mức trung bình hai mươi phiên, chưa cho thấy động lực hồi phục. Chỉ báo RSI và chỉ báo MACD đều đang ủng hộ xu hướng tích lũy ngắn hạn. Dự kiến trong những phiên, MBB có thể vận động tích lũy trong khu vực 21.5 – 22.5, trước khi kiểm tra lại ngưỡng giá 24. Trong trường hợp diễn biến kém khả quan, cổ phiếu này có thể giảm xuống ngưỡng giá 20.

Đồ thị kỹ thuật MBB



Nguồn: Amibroker, BSC

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về Vĩ mô, ngành và doanh nghiệp. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

